

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 27-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tấn Lợi;

Ông Nguyễn Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Thu C, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T không có quan hệ họ hàng gì với chị Lê Thị Thu C nhưng có quen biết với chị C do có làm ăn chung.

Ngày 24/7/2023, chị Lê Thị Thu C có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, với lãi suất là 1,66%/tháng, mục đích để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn vay đến ngày 26/7/2023. Khi vay, hai bên có làm giấy tay

“Giấy vay tiền” ghi ngày 24/7/2023. Mẫu giấy vay tiền do chị T cung cấp, chị C điền nội dung và ký ghi họ tên.

Ngày 26/7/2023, chị C có chuyển khoản trả cho chị T số tiền vay gốc là 300.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng. Cũng trong ngày 26/7/2023, chị C chuyển khoản cho chị số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng tiền lãi của khoản vay trước đó và số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền phí chị T làm hồ sơ đảo hạn Ngân hàng cho chị C. Tuy nhiên, chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên chị chấp nhận chị C còn nợ lại chị T số tiền nợ gốc là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng. Do đó, chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng. Chị T yêu cầu chị C có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ vay gốc còn lại là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là chị Lê Thị Thu C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023:

Chị Lê Thị Thu C bắt đầu vay tiền của chị Nguyễn Thị T từ năm 2020. Mục đích vay tiền của chị T để cho người khác vay lại. Lãi suất 10.5%/tháng.

Các khoản tiền chị C vay của chị T đã trả xong hết. Ngày 05/4/2023 chị C và chị T chốt lại chị còn nợ chị T số tiền 69.000.000 (Sáu mươi chín triệu) đồng tiền lãi. Chị C và chị T có thỏa thuận mỗi tháng chị C trả cho chị T 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Đến ngày 24/7/2023, chị C vay tiếp của chị T số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Chị T yêu cầu chị C ký giấy vay tiền cho chị T số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Trong đó chị T có cộng số tiền nợ cũ còn thiếu là 69.000.000 (Sáu mươi chín triệu) đồng từ ngày 05/4/2023, nhưng làm tròn thành 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng + Tiền lãi của số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng từ ngày 05/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng + 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng + Tiền lãi số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng trong 03 ngày là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Chị T có viết giấy cộng các khoản tiền trên. Chị C có chụp hình lại.

Đến ngày 26/7/2023, chị C đã chuyển trả cho chị T số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Ghi cụ thể nội dung chuyển tiền là “c cuc tra tien da nhan ngay 24/7”.

Cũng trong ngày 26/7/2023, chị C chuyển trả cho chị T số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi cụ thể nội dung chuyển tiền là “C cuc gui lai DH cua 300tr ngay 24/7”.

Cũng trong ngày 26/7/2023, chị chuyển trả cho chị T số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Ghi cụ thể nội dung chuyển tiền là “C cuc gui tien goc cua 98tr ngay 24/7”.

Chị xác định, đến ngày 26/7/2023, chị đã trả cho chị T số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng tiền gốc và 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng tiền lãi, chỉ còn nợ lại chị T số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng tiền gốc.

Trước đây chị vay tiền của chị T có thể chấp chiếc xe ô tô nhưng sau đó chị T cũng đã trả lại. Đến nay chị T không có giữ tài sản gì của chị C.

Nay chị T khởi kiện chị yêu cầu chị trả số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 24/7/2023 thì chị C chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng. Tiền lãi chị đã trả cho chị T là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng với lãi suất là 15%/tháng. Do đó chị yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với chị Lê Thị Thu C đối với số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị C có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ vay là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Lê Thị Thu C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Lê Thị Thu C đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, chị C.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện chị Lê Thị Thu C yêu cầu trả số tiền nợ vay là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 24/7/2023 đến nay. Tài liệu, chứng cứ chị T cung cấp là giấy vay tiền ghi ngày 24/7/2023.

[2.1] Ngày 02/01/2024, chị Nguyễn Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc buộc chị C trả số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng và lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023, chị C thừa nhận chữ viết chữ ký trong giấy vay tiền ngày 24/7/2023 là của chị C. Chị C xác định có vay tiền của chị T và còn nợ chị T số tiền nợ vay gốc là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng và đồng ý trả. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về lãi suất:

Chị T xác định cho chị C vay tiền với lãi suất là 1,66%/tháng. Chị C xác định lãi suất là 15%/tháng. Do các đương sự có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, lãi suất được xác định là 10%/năm, tức 0,83%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi từ ngày 24/7/2023 đến ngày 26/7/2023 (02 ngày): $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ ngày} = 221.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi từ ngày 27/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/02/2024 (07 tháng): $90.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} \times 150\% = 7.843.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi là: 8.064.000 (Tám triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Chị T và chị C đều xác định chị C đã trả cho chị T số tiền lãi là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Do đó, chị C còn phải trả cho chị T số tiền nợ lãi là 3.564.000 (Ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Chị Lê Thị Thu C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Lê Thị Thu C đối với số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Lê Thị Thu C có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ vay gốc là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng và lãi suất là 3.564.000 (Ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng 93.564.000 (Chín mươi ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày 28/02/2024, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Thu C phải chịu 4.678.000 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị T số tiền 10.120.000 (Mười triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005514 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My

